TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 06/2025/DS-ST
Ngày 21-4-2025
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thành.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len

2. Bà Vũ Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (viết tắt A)

Địa chỉ: Tầng 1, 2, 3 tòa nhà Geleximco, số 36, Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, T phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T - Trưởng ban xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Huy C và ông Vũ Châu S - Chuyên viên xử lý nợ

- Bị đơn:

+ Anh **Đặng Văn Đ**, sinh năm 1991

Nơi đăng ký HKTT: Thôn VX, xã ĐP (nay là xã ĐQ), huyện TH, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản.

+ Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn VX, xã ĐP (nay là xã ĐQ), huyện TH, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt: ông C; Vắng mặt: ông K, ông T, ông S, anh Đ, chị K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - Đại diện Ngân hàng TMCP A trình bày:* Ngày 06/11/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh Thái Bình *(A)* và chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ đã ký Hợp đồng cho vay từng lần số 210/19/HĐTD/XXXI với nội dung như sau:

Số tiền vay: 419,000,000 đồng (*Bốn trăm mười chín triệu đồng*).

Mục đích vay: Vay mua ôtô - Youcar

Thời hạn vay: 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày A giải ngân.

Lãi suất vay trong hạn, điều chỉnh lãi suất và thời điểm điều chỉnh lãi suất: Được quy định trong từng giấy nhận nợ.

Lãi suất nợ quá hạn: Khi bên vay không trả nợ gốc đúng hạn, ngoài khoản tiền lãi vay trong hạn phải trả, bên vay còn phải chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn được tính như sau:

Tiền lãi quá hạn = số dư nợ gốc bị quá hạn x 50% lãi suất cho vay trong hạn x số ngày quá hạn.

Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không trả đúng hạn = số dư nợ lãi bị quá hạn x số ngày quá hạn x 10%/năm/ 365.

Tổng tiền lãi phải trả đối với khoản vay không trả đúng hạn = Tiền lãi trong hạn + Tiền lãi quá hạn + Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không trả đúng hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Chiếc xe ô tô 5 chỗ nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCCENT, màu trắng, số máy: G4LCKF714396; số khung: RLUA441BBKN026389, Biển kiểm soát: 17A-156.02; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tô tô số 028178 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 02/11/2019 cho chị Nguyễn Thị K *(theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 57/19/HDTC - XXXI ngày 06/11/2019).*

A đã giải ngân cho chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ theo Giấy nhận nợ số 210/19/HĐTD/XXXI.01 ngày 06/11/2019:

Số tiền giải ngân: 419.000.000 đồng (*Bốn trăm mười chín triệu đồng*).

Thời hạn vay: 06/11/2019 - 07/11/2026.

Lãi suất vay: 11%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, áp dụng theo chương trình "ưu đãi lãi vay - tròn tay hạnh phúc". Lãi suất thay đổi 03 tháng/lần kể từ ngày 06/11/2019 theo nguyên tắc đầu chỉnh: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở tại thời kỳ đổi lãi tương ứng (% năm) + biên độ 3.9%/năm.

Lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả đối với khoản lãi vay không trả đúng hạn: Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình phát sinh quan hệ tín dụng, chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ mới chỉ trả được cho A với số tiền là: 337.384.693 đồng (trong đó: Trả gốc: 204.590.000 đồng; Trả lãi: 132.794.693 đồng).

Tạm tính đến hết ngày 21/04/2025, chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ còn nợ A tổng số tiền là: 285.163.623 đồng, trong đó:

- Nợ gốc quá hạn: 214.410.000 đồng;

- Nợ lãi: 70.753.623 đồng, trong đó:

Nợ lãi trong hạn: 45.565.257 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 25.188.366 đồng

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ đã để phát sinh nợ quá hạn. A đã nhiều lần làm việc đề nghị khách hàng trả nợ vay, tuy nhiên, chị K và anh Đ không thực hiện trả nợ và vi phạm các cam kết trả nợ theo nội dung Hợp đồng tín dụng đã ký.

Đến nay, Ngân hàng TMCP A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết: Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A *(A)* tổng số tiền theo Hợp đồng cho vay từng lần số 210/19/HĐTD/XXXI ngày 06/11/2019 tính đến hết ngày 21/04/2025 là: 285.163.623 đồng, trong đó:

- Nợ gốc quá hạn: 214.410.000 đồng;

- Nợ lãi: 70.753.623 đồng, trong đó:

Nợ lãi trong hạn: 45.565.257 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 25.188.366 đồng

Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký kết với A kể từ ngày 22/04/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

Trong trường hợp chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ không trả được nợ vay, A có quyền xử lý hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Chiếc xe ô tô 5 chỗ nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCCENT, màu trắng, số máy: G4LCKF714396; số khung: RLUA441BBKN026389, Biển kiểm soát: 17A–156.02; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tô tô số 028178 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 02/11/2019 cho chị Nguyễn Thị K *(theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 57/19/HĐTC - XXXI ngày 06/11/2019).*

Toàn bộ số tiền thu được từ quá trình phát mại tài sản bảo đảm nếu không đủ để thu hồi nợ thì chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ vẫn phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho A theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký cho tới khi trả hết nợ cho A.

** Do anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K đã đi khỏi nơi cư trú nên hiện tại nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K. Tại Công văn số 334/PA08 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh xác định: "Từ năm 2015 đến nay, đương sự đã thực hiện xuất cảnh, nhập cảnh 5 lượt. Xuất cảnh lần cuối qua SBQT Nội Bài ngày 17/12/2022 bằng hộ chiếu số P00191481. Chưa có thông tin nhập cảnh". Biên bản xác minh tại UBND xã Đ P (nay là xã Đ Q), huyện TH, tỉnh Thái Bình thể hiện: "Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K ở chung nhà ông Đặng Văn Biển tại thôn VX, xã Đ P, huyện TH, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, anh Đ có hộ khẩu thường trú tại nhà ông Biển. Hiện tại, anh Đ, chị K không có mặt tại địa phương, chị K đi đâu làm gì thì xã không biết vì chị không có hộ khẩu thường trú tại xã. Anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tòa án tiến hành gửi các văn bản tố tụng cho anh Đ, chị K thông qua người thân là bà Đặng Thị Mượt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Đ và chị K nhưng anh Đ, chị K không có quan điểm trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm.*

** Biên bản lấy lời khai của bà Đặng Thị Mượt (mẹ đẻ của anh Đặng Văn Đ) thể hiện:* Vợ chồng anh Đ sống chung cùng gia đình bà nhưng vợ chồng anh Đ không nói gì với gia đình nên bà không biết việc vợ chồng anh Đ, chị K vay Ngân hàng TMCP A. Hiện nay anh Đ đang ở Nhật Bản, anh Đ đi từ cuối năm 2022, chị K đang làm gì, ở đâu thì bà không biết. Thi thoảng anh Đ có liên lạc về nhà. Hiện nay, vợ chồng anh Đ không có nhà. Để vài năm anh Đ, chị K làm ăn được thì sẽ trả dần. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để vợ chồng anh K thu xếp trả. Hiện nay vợ chồng bà đang nuôi 3 con chung của anh Đ, chị K nên không có tiền trả thay cho

anh Đ, chị K. Bà sẽ thông báo anh Đ biết việc Ngân hàng khởi kiện. Bà không biết ô tô của anh Đ, chị K mua hiện nay đang ở đâu.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, buộc anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 285.163.623 đồng, trong đó: Nợ gốc là 214.410.000 đồng; Nợ lãi là 70.753.623 đồng, trong đó: Nợ lãi trong hạn là 45.565.257 đồng; Nợ lãi quá hạn là 25.188.366 đồng.

+ Buộc anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến ngày thực tế anh Đ, chị K trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP A.

+ Trường hợp anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng TMCP A thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

+ Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Văn Đ đã xuất cảnh vào ngày 17/12/2022, chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Bị đơn - anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K đã vi phạm các điều khoản được quy định trong các Hợp đồng tín dụng khi đi khỏi địa chỉ được ghi trong Hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng TMCP A địa chỉ thay đổi. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Đ, chị K tại địa chỉ: xã Đ P (nay là xã Đ Q), huyện TH, tỉnh Thái Bình gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà; Giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh Đ, chị K không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp bản tự khai và địa chỉ hiện nay của anh Đ, chị K cho Tòa án. Như vậy, xác định anh Đ, chị K đã trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng kể trên tại chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Đ, chị K để đảm bảo quyền tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho anh Đ, chị K. Tuy nhiên, anh Đ, chị K vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn - anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K.

II. Về nội dung vụ án:

[1] Về yêu cầu anh Đ, chị K phải trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 210/19/HĐTD/XXXI ngày 06/11/2019. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng TMCP A và anh Đ, chị K có xác lập Hợp đồng tín dụng số 210/19/HĐTD/XXXI ngày 06/11/2019. Hợp đồng do các bên xác lập với số tiền vay là 419.000.000 đồng; thời hạn vay 84 tháng, phương thức vay, lãi suất vay trong hạn, điều chỉnh lãi suất và thời điểm điều chỉnh lãi suất: Được quy định trong từng giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn: Khi bên vay không trả nợ gốc đúng hạn, ngoài khoản tiền lãi vay trong hạn phải trả, bên vay còn phải chịu thêm khoản tiền lãi quá hạn được tính như sau: *Tiền lãi quá hạn = số dư nợ gốc bị quá hạn x 50% lãi suất cho vay trong hạn x số ngày quá hạn. Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không trả đúng hạn = số dư nợ lãi bị quá hạn x số ngày quá hạn x 10%/năm/365.* Tổng tiền lãi phải trả đối với khoản vay không trả đúng hạn = Tiền lãi trong hạn + Tiền lãi quá hạn + Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không trả đúng hạn. Ngân hàng A đã giải ngân cho chị Nguyễn Thị K và anh Đặng Văn Đ theo Giấy nhận nợ số 210/19/HĐTD/XXXI.01 ngày 06/11/2019:

- Số tiền giải ngân: 419.000.000 đồng (*Bốn trăm mười chín triệu đồng*).

- Thời hạn vay: 06/11/2019 - 07/11/2026.

- Lãi suất vay: 11%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, áp dụng theo chương trình "ưu đãi lãi vay - tròn tay hạnh phúc". Lãi suất thay đổi 03 tháng/lần kể từ ngày 06/11/2019 theo nguyên tắc đầu chỉnh: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở tại thời kỳ đổi lãi tương ứng (% năm) + biên độ 3.9%/năm.

- Lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả đối với khoản lãi vay không trả đúng hạn: Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng. Mặc dù tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn xuất trình xác

định việc Ngân hàng A và anh Đ, chị K ký kết hợp đồng tín dụng kể trên là hợp pháp. Anh Đ, chị K đã trả được cho Ngân hàng TMCP A với số tiền là: 337.384.693 đồng (trong đó: Trả gốc: 204.590.000 đồng; Trả lãi: 132.794.693 đồng). Do đó, yêu cầu của Ngân hàng A buộc anh Đ, chị K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng là 285.163.623 đồng, trong đó: Nợ gốc là 214.410.000 đồng; Nợ lãi là 70.753.623 đồng, trong đó: Nợ lãi trong hạn là 45.565.257 đồng; Nợ lãi quá hạn là 25.188.366 đồng là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu xử lý Hợp đồng thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hợp đồng thế chấp số 57/19/HDTC-XXXI ngày 06/11/2019 thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Chiếc xe ô tô 5 chỗ nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCCENT, màu trắng, số máy: G4LCKF714396; số khung: RLUA441BBKN026389, Biển kiểm soát: 17A-156.02; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tô tô số 028178 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 02/11/2019 cho chị Nguyễn Thị K *(theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 57/19/HDTC - XXXI ngày 06/11/2019)* để đảm bảo cho khoản vay. Tài sản thế chấp đăng ký mang tên chị Nguyễn Thị K là tài sản chung của vợ chồng, về hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp là phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 317, 318, 319, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp khi các bị đơn không trả được khoản nợ.

III. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên anh Đ, chị K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 292, Điều 295, Điều 299, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, buộc anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 285.163.623 đồng, trong đó: Nợ gốc là 214.410.000 đồng; Nợ lãi là 70.753.623 đồng, trong đó: Nợ lãi trong hạn là 45.565.257 đồng; Nợ lãi quá

hạn là 25.188.366 đồng.

2.2. Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K tiếp tục chịu lãi đối với nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế anh Đ, chị K trả hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP A.

2.3. Trường hợp bị đơn anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng TMCP A thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 Chiếc xe ô tô 5 chỗ nhãn hiệu HUYNDAI, số loại ACCCENT, màu trắng, số máy: G4LCKF714396; số khung: RLUA441BBKN026389, Biển kiểm soát: 17A-156.02; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tô tô số 028178 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thái Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 02/11/2019 cho chị Nguyễn Thị K để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP A.

3. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ, chị K phải chịu 14.258.181 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền 10.000.000 đồng Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0002667 ngày 31/5/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện TH.

4. Về quyền K cáo: Nguyên đơn có quyền K cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đ có quyền K cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, chị K có quyền K cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Thành